

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 31



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tập Đoàn Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Hoàng Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Đến thời điểm 30/06/2011, Công ty có đầu tư vào 08 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng câu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Năm	Thành viên
Ông Ngô Kinh Luân	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Châu Minh Đạt	Thành viên

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phạm Phúc Toại	Tổng Giám Đốc
Ông Châu Minh Đạt	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đặng Hoàng Phương	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Văn Thanh	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc	Giám Đốc Tài Chính kiêm Kế Toán Trưởng

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Long An, ngày 10 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

Số: 12.118/BCKTHN-2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 31 tháng 7 năm 2011 của Công ty Cổ phần Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 31 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính hợp nhất có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Tập đoàn thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ0075/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2011

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.103.496.559.348	846.116.585.772
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.051.551.084	17.880.674.692
1. Tiền	111		20.051.551.084	17.880.674.692
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	603.031.666.014	404.292.324.047
1. Phải thu khách hàng	131		404.027.233.550	326.978.568.663
2. Trả trước cho người bán	132		165.979.565.372	54.795.477.502
3. Phải thu nội bộ	133		354.600	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		34.375.208.717	23.868.974.107
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.350.696.225)	(1.350.696.225)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	457.086.534.954	401.471.945.305
1. Hàng tồn kho	141		457.086.534.954	401.471.945.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.326.807.296	22.471.641.728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	4.007.189.633	3.221.572.222
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.842.977.524	8.914.013.128
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.331.479.224	1.579.242.318
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	6.145.160.915	8.756.814.060

(Phần tiếp theo ở trang 05)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		852.452.251.977	784.497.173.845
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		699.471.466.503	633.385.420.594
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	256.457.364.346	226.108.353.984
+ Nguyên giá	222		339.034.789.004	293.152.131.629
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.577.424.658)	(67.043.777.645)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	51.999.381.236	47.752.083.038
+ Nguyên giá	228		52.473.347.920	48.172.549.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(473.966.684)	(420.466.682)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	391.014.720.921	359.524.983.572
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	131.897.383.423	131.897.383.423
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		131.897.383.423	131.897.383.423
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		21.083.402.051	19.214.369.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	10.091.752.447	8.081.111.829
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	10.876.649.604	11.018.257.999
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	115.000.000	115.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.955.948.811.325	1.630.613.759.617

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.365.577.688.200	1.075.545.669.858
I. Nợ ngắn hạn	310		1.095.798.857.436	781.136.426.576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	707.897.365.954	485.810.322.570
2. Phải trả người bán	312	5.15	152.630.347.245	100.550.306.786
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	8.530.620.772	7.053.730.867
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	9.392.045.572	10.387.501.230
5. Phải trả người lao động	315		6.507.268.022	8.812.925.231
6. Chi phí phải trả	316	5.17	56.000.184.045	56.260.978.235
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	139.959.436.795	100.362.841.823
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.881.589.031	11.897.819.834
II. Nợ dài hạn	330		269.778.830.764	294.409.243.282
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	5.894.276.708	5.116.848.708
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	241.908.242.846	265.726.892.489
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14.510.651	14.510.651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		28.922.725	40.433.600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	21.932.877.834	23.510.557.834
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		576.613.862.678	541.338.274.348
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	576.613.862.678	541.338.274.348
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		86.513.159	44.715.649
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.482.223.295	14.364.348.663
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.312.511.004	12.618.211.299
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.376.512.290	952.937.364
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		108.102.252.930	77.104.211.373
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	5.24	13.757.260.447	13.729.815.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.955.948.811.325	1.630.613.759.617

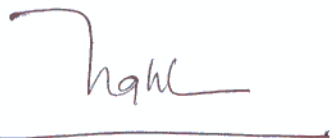
TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		4.984,58	7.783,56
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	830.095.105.396	552.004.348.570
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	15.278.300.126	1.740.663.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	814.816.805.270	550.263.684.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	644.495.152.678	464.764.677.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		170.321.652.592	85.499.007.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	11.919.761.480	3.631.630.797
7. Chi phí tài chính	22	6.4	62.380.947.762	23.252.371.056
trong đó, chi phí lãi vay	23		29.444.137.243	13.094.619.187
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	47.038.087.994	9.988.268.729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	34.000.724.793	27.927.268.201
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.821.653.523	27.962.730.460
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.349.511.364	64.618.490.247
12. Chi phí khác	32	6.8	3.333.103.774	47.291.910.822
13. Lợi nhuận khác	40		1.016.407.590	17.326.579.425
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	(1.541.811)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		39.838.061.113	45.287.768.074
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		600.415.314	19.268.220.607
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	141.608.395	(3.587.319.835)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		39.096.037.404	29.606.867.302
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		(118.284.822)	(283.808.454)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		39.214.322.226	29.890.675.756
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.23	887	1.016

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

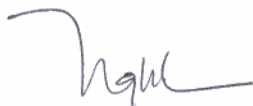
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.838.061.113	45.287.768.074
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		16.858.953.955	15.463.434.566
Các khoản dự phòng	03		-	46.469.563
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.274.460.265	5.565.763.112
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(270.559.632)	(14.848.573.119)
Chi phí lãi vay	06		29.444.137.243	13.094.619.187
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		87.145.052.944	64.609.481.383
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(534.910.821.794)	(329.599.752.223)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(55.614.589.649)	(132.699.140.734)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		534.317.712.241	244.710.781.657
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.796.258.029)	(5.855.628.183)
Tiền lãi vay đã trả	13		(46.020.107.717)	(7.861.935.846)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.079.878)	(23.559.599.091)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.391.986.045	26.120.510.995
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(1.490.255.554)	(31.060.005.117)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			(17.979.361.391)	(195.195.287.159)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(52.119.677.728)	(19.736.668.607)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.972.702.851	40.300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(38.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		239.565.807	947.311.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.907.409.070)	(16.789.356.630)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		864.644.715.839	405.121.742.899
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(794.559.620.963)	(217.808.693.936)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.000.000)	(14.427.837.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		70.055.094.876	172.885.211.963
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		2.168.324.415	(39.099.431.826)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.880.674.692	69.597.111.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.551.977	2.636.905
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		20.051.551.084	30.500.316.453

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An, ngày 31 tháng 07 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điếu, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyên nghiệp cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 12)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kông	Số 154D, đường 134, P.Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	85.01%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	60%	61.13%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.667.641.364	777.657.447
Tiền gửi ngân hàng	18.383.909.720	17.103.017.245
Tổng cộng	20.051.551.084	17.880.674.692

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	404.027.233.550	326.978.568.663
Trả trước cho người bán	165.979.565.372	54.795.477.502
Phải thu nội bộ	354.600	-
Các khoản phải thu khác	34.375.208.717	23.868.974.107
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	604.382.362.239	405.643.020.272
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.350.696.225)	(1.350.696.225)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	603.031.666.014	404.292.324.047

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	328.152.654.345	242.855.217.457
Phải thu hoạt động thi công	-	1.047.857.984
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	75.874.579.205	83.075.493.222
Cộng	404.027.233.550	326.978.568.663

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước về mua sắm và xây dựng cơ bản tài sản cố định	140.170.689.072	41.548.971.881
Trả trước hoạt động thi công	-	7.117.700.432
Trả trước hoạt động thương mại	19.990.253.229	-
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	3.290.216.316	2.451.694.000
Khác	2.528.406.755	3.677.111.189
Cộng	165.979.565.372	54.795.477.502

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền cho vay	24.863.170.517	11.995.316.400
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.204.894.737	1.227.774.537
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	1.737.633.838	3.188.838.016
Ứng trước tiền mua nông sản	4.577.826.500	5.690.909.000
Khác	1.991.683.125	1.766.136.154
Cộng	34.375.208.717	23.868.974.107

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	27.395.557.083
Nguyên liệu, vật liệu	65.235.662.339	45.349.914.382
Công cụ, dụng cụ	7.532.645.062	4.441.815.315
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	214.028.880.331	182.137.495.781
Thành phẩm	107.926.729.342	113.033.139.039
Hàng hóa	62.362.617.880	29.112.601.576
Hàng gửi bán	-	1.422.129
Cộng giá gốc hàng tồn kho	457.086.534.954	401.471.945.305
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	457.086.534.954	401.471.945.305

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thi công kho lạnh Hoàng Long Long Cang	-	-
Chi phí sửa chữa	-	189.446.564
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.671.835.289	1.624.706.179
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.144.066.281	1.231.655.221
Khác	191.288.063	175.764.258
Tổng cộng	4.007.189.633	3.221.572.222

5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.319.360.868	1.568.703.577
Thuế TNCN nộp thừa	10.618.356	-
Khác	1.500.000	10.538.741
Tổng cộng	1.331.479.224	1.579.242.318

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	4.406.827.117	6.678.977.852
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.738.333.798	2.077.836.208
Tổng cộng	6.145.160.915	8.756.814.060

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	22.916.027.104	62.742.295.838	200.600.240.086	4.010.812.894	2.882.755.707	293.152.131.629
Mua trong kỳ	2.228.201.800	30.161.702.054	15.573.540.823	75.237.891	1.012.362.947	49.051.045.515
Tăng, giảm khác	-	2.638.590	(280.900)	8.927.370	-	11.285.060
Thanh lý	-	-	(3.158.451.200)	(21.222.000)	-	(3.179.673.200)
Số dư cuối kỳ	25.144.228.904	92.906.636.482	213.015.048.809	4.073.756.155	3.895.118.654	339.034.789.004
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.909.558.511	8.407.535.233	51.352.517.542	2.833.331.983	540.834.376	67.043.777.645
Khấu hao trong kỳ	898.741.048	3.308.424.226	11.998.623.950	393.765.347	205.899.381	16.805.453.952
Tăng khác	-	1.194.591	931.786	5.213.907	-	7.340.284
Thanh lý	-	-	(1.259.693.723)	(19.453.500)	-	(1.279.147.223)
Phân loại TSCĐ	(32.157.840)	(77.416.351)	-	-	109.574.191	-
Số dư cuối kỳ	4.776.141.719	11.639.737.699	62.092.379.555	3.212.857.737	856.307.948	82.577.424.658
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	19.006.468.593	54.334.760.605	149.247.722.544	1.177.480.911	2.341.921.331	226.108.353.984
Tại ngày cuối kỳ	20.368.087.185	81.266.898.783	150.922.669.254	860.898.418	3.038.810.706	256.457.364.346

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thẻ chấp là : 185.095.649.136 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.728.439.755 đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	48.162.249.720	10.300.000	48.172.549.720
Tăng trong kỳ	4.300.798.200	-	4.300.798.200
Số dư cuối kỳ	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	410.166.682	10.300.000	420.466.682
Khấu hao trong kỳ	53.500.002	-	53.500.002
Số dư cuối kỳ	463.666.684	10.300.000	473.966.684
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	47.752.083.038	-	47.752.083.038
Tại ngày cuối kỳ	51.999.381.236	-	51.999.381.236

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	116.952.106.491	99.027.981.727
Công trình xây dựng giếng khoan nhà máy cấp nước	790.742.519	-
Giếng khoan	1.967.148.573	-
Quyền sử dụng đất nhà xưởng nước khoáng	3.647.720.000	-
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.619.233.443	4.619.233.443
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	262.903.979.895	242.141.685.134
Chi phí xây dựng nhà xưởng sản xuất nước đá	-	13.481.734.313
Khác	133.790.000	254.348.955
Tổng cộng	391.014.720.921	359.524.983.572

(Phần tiếp theo ở trang 20)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	131.897.383.423	131.897.383.423
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	131.897.383.423	131.897.383.423
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	131.897.383.423	131.897.383.423

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2011	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	131.897.383.423	30%
Cộng		131.897.383.423	

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	9.774.493.297	7.548.665.165
Chi phí sửa chữa lớn	69.660.180	85.140.213
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	25.912.500	51.825.000
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	221.686.470	395.481.451
Tổng cộng	10.091.752.447	8.081.111.829

5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.479.705.207	3.484.474.394
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	7.139.034.378
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	257.910.019	394.749.227
Tổng cộng	10.876.649.604	11.018.257.999

5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	100.000.000	100.000.000
Đặt cọc khác	15.000.000	15.000.000
Tổng cộng	115.000.000	115.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	707.897.365.954	485.810.322.570
Tổng cộng	707.897.365.954	485.810.322.570

Vay ngân hàng với lãi suất từ 19%/năm đến 23%/năm đối với VNĐ, 6,3%/năm đến 8,5%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang, Huyện Cần Đước, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23 tháng 03 năm 2011
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PG Bank ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011
- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công ty CP Tập Đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009
- Các xe ô tô mua để kinh doanh theo hợp đồng thế chấp số 8412/2010/HĐTC-DN-HCM.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	152.630.347.245	100.550.306.786
Người mua trả tiền trước	8.530.620.772	7.053.730.867
Tổng cộng	161.160.968.017	107.604.037.653

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.834.840.000	7.194.160.000
Phải trả tiền sửa chữa tòa nhà văn phòng	-	-
Phải trả hoạt động thương mại	5.838.373.884	14.471.305.968
Phải trả tiền mua cát	-	1.389.775.580
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	116.368.493.199	58.953.403.707
Phải trả về hoạt động thi công	14.938.227.307	10.631.833.825
Khác	1.943.000.855	2.202.415.706
Cộng	152.630.347.245	100.550.306.786

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	2.351.890.772	2.466.644.371
Trả trước cho hoạt động thương mại	4.497.863.578	3.813.357.346
Khác	1.680.866.422	773.729.150
Cộng	8.530.620.772	7.053.730.867

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	1.358.889.709	4.430.851.836
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.093.067.863	-
Thuế nhập khẩu	127.655.155	-
Thuế TNDN	5.479.345.949	5.130.353.222
Thuế TNCN	326.825.406	180.314.476
Thuế tài nguyên	14.919.483	13.331.778
Thuế nhà đất	602.400	-
Các khoản phí, lệ phí	990.739.607	632.649.918
Tổng cộng	9.392.045.572	10.387.501.230

5.17. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.556.137.510	28.556.137.510
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	4.226.568.334	7.770.000.000
Trích trước chi phí tiền điện	1.068.483.600	-
Trích trước lãi trả chậm	179.594.572	-
Trích trước chi phí lãi vay	3.350.609.522	1.266.050.218
Khác	105.000.000	155.000.000
Tổng cộng	56.000.184.045	56.260.978.235

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.299.800
Kinh phí công đoàn	561.078.790	416.737.232
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.204.290.301	362.396.726
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	556.565.000	658.565.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	22.247.443.935	24.557.443.935
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	-	9.382.866.150
Phải trả lãi tiền hàng chậm trả	1.840.320.000	-
Phải trả tiền vay các đối tượng khác	101.586.724.252	63.634.629.445
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.963.014.517	1.348.903.535
Tổng cộng	139.959.436.795	100.362.841.823

5.19. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	5.344.276.708	5.116.848.708
Nhận đặt cọc bán hàng	550.000.000	-
Tổng cộng	5.894.276.708	5.116.848.708

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	241.908.242.846	265.726.892.489
Tổng cộng	241.908.242.846	265.726.892.489

Vay ngân hàng với lãi suất là 10.5%/năm đến 23%/năm đối với VNĐ, 6,5%/năm đối với USD.
 Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận QSD đất số AB 240676 do UBND huyện Bến Lức, tỉnh Long AN cấp ngày 13/09/2005; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Long An cấp ngày 26/09/2010. Theo hợp đồng thế chấp số 0250/NHNT-TDC/BL10 ngày 13/08/2009, tài sản thế chấp kể trên được định giá là 14.193.430.000 đồng.
- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Xe ô tô Toyota Innova hình thành từ vốn vay
- 30 xe KIA CARENS 7 chỗ theo hợp đồng thế chấp số 8412/2010/HĐTC-DN-HCM trị giá 13.890.000.000 đồng
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình
- 3.700.329 cổ phiếu do Ông Phạm Phúc Toại và Bà Lê Ngọc Ánh nắm giữ.

5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	14.510.651	14.510.651
Tổng cộng	14.510.651	14.510.651

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	21.932.877.834	23.510.557.834
Tổng cộng	21.932.877.834	23.510.557.834

(Phần tiếp theo ở trang 24)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23. Vốn chủ sở hữu
5.23.1. Biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	295.807.110.000	102.592.150.000	(7.500.000.000)	5.091.998	27.347.420.860	132.040.158.808	550.291.931.666
Tăng vốn	147.946.740.000	(102.592.150.000)	-	-	(793.200.000)	(44.561.390.000)	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	42.357.492.634	42.357.492.634
CL tỷ giá	-	-	-	39.623.651	-	-	39.623.651
Phản lỗ gánh chịu cho CĐTTS	-	-	-	-	-	(278.226.938)	(278.226.938)
Trích quỹ	-	-	-	-	1.381.276.466	(2.762.552.931)	(1.381.276.465)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(49.691.270.200)	(49.691.270.200)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	44.715.649	27.935.497.326	77.104.211.373	541.338.274.348
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	39.214.322.226	39.214.322.226
CL tỷ giá	-	-	-	41.797.510	-	-	41.797.510
Phản lỗ gánh chịu cho CĐTTS	-	-	-	-	-	(138.357.069)	(138.357.069)
Trích quỹ	-	-	-	-	4.235.749.263	(8.047.923.600)	(3.812.174.337)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số dư cuối kỳ này	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	86.513.159	32.171.246.589	108.102.252.930	576.613.862.678

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
Tổng cộng	443.753.850.000	443.753.850.000

5.23.3. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	39.214.322.226	29.890.675.756
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	29.430.711
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	887	1.016

5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	13.729.815.411	13.611.824.094
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	-	200.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	27.445.036	(82.008.683)
Số dư cuối kỳ	13.757.260.447	13.729.815.411

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	67.905.170.595	302.668.281.051
Doanh thu hoạt động thi công	4.240.239.115	14.331.981.813
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	83.971.738.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	182.553.178	3.305.536.226
Doanh thu cung cấp nước	2.899.394.600	2.140.425.749
Doanh thu taxi	66.198.264.674	50.660.198.179
Doanh thu chế biến thủy sản	688.623.830.493	94.006.167.859
Doanh thu khác	45.652.741	920.019.093
Hàng bán bị trả lại	(15.278.300.126)	(1.740.663.800)
Doanh thu thuần	814.816.805.270	550.263.684.770

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	64.132.435.993	294.063.704.351
Giá vốn hoạt động thi công	3.753.308.485	10.397.243.344
Giá vốn hoạt động bất động sản	(51.069.600)	32.924.236.650
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	1.682.709.013
Giá vốn cung cấp nước	1.820.910.329	1.861.038.236
Giá vốn hoạt động taxi	49.930.730.130	39.634.833.252
Giá vốn chế biến thủy sản	524.908.837.341	84.200.912.275
Giá vốn hoạt động khác	-	-
Tổng cộng	644.495.152.678	464.764.677.121

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	239.565.807	1.457.145.310
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.923.532.328	1.827.054.668
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.756.663.345	347.305.819
Khác	-	125.000
Tổng cộng	11.919.761.480	3.631.630.797

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	29.444.137.243	13.094.619.187
Lãi tiền nhận ký quỹ của tài xế taxi	156.558.900	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.749.049.880	410.651.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.031.123.610	5.913.068.931
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	3.664.219.775
Khác	78.129	169.811.979
Tổng cộng	62.380.947.762	23.252.371.056

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.013.540.047	1.670.869.719
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.486.168.764	1.209.067.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.260.788	289.322.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.473.009.525	2.585.083.369
Chi phí bằng tiền khác	9.793.108.870	4.233.925.109
Tổng cộng	47.038.087.994	9.988.268.729

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	16.331.088.647	14.864.346.675
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.531.908.286	1.160.672.340
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.669.460.119	2.230.783.991
Thuế, phí và lệ phí	357.806.609	398.090.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.003.922.668	3.446.543.158
Chi phí bằng tiền khác	7.106.538.464	5.826.831.193
Tổng cộng	34.000.724.793	27.927.268.201

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu phí đo đạc	44.651.365	45.506.143
Thu tiền bán phế liệu	843.490.353	-
Thu thanh lý tài sản cố định	1.972.702.851	56.786.979.504
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	560.051.906	6.352.151.630
Thu nhập khác	928.614.889	1.433.852.970
Tổng cộng	4.349.511.364	64.618.490.247

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	769.881.958
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.941.709.026	43.737.488.390
Chi phí hoàn trả hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng	891.654.868	-
Chi phí liên kết nuôi ao	495.822.300	-
Chi phí vật tư, phụ tùng	-	602.149.847
Chi phí khác	3.917.580	2.182.390.627
Tổng cộng	3.333.103.774	47.291.910.822

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	(19.076.748)	25%	4.769.187
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	(547.356.832)	25%	136.839.208
Tổng cộng	(566.433.580)		141.608.395

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- + Sản xuất, thương mại
- + Thi công xây lắp
- + Bất động sản
- + Cung cấp dịch vụ : sửa chữa, bơm cát
- + Dịch vụ taxi
- + Nuôi trồng, chế biến thủy sản
- + Khác : cung cấp nước; sản xuất và cung cấp nước đá và các hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 29)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Doanh thu thuần	66.974.158.865	4.240.239.115	-	66.120.287.101	674.354.519.670	3.127.600.519	814.816.805.270
Giá vốn	(64.132.435.993)	(3.753.308.485)	51.069.600	(49.930.730.130)	(524.908.837.341)	(1.820.910.329)	(644.495.152.678)
Lãi gộp	2.841.722.872	486.930.630	51.069.600	16.189.556.971	149.445.682.329	1.306.690.190	170.321.652.592
Chi phí bán hàng	(2.068.598.543)	-	-	(1.642.664.725)	(43.326.824.726)	-	(47.038.087.994)
Chi phí QLDN	(9.976.567.535)	(1.517.848.163)	-	(9.600.471.358)	(12.575.450.264)	(330.387.473)	(34.000.724.793)
Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	(9.203.443.206)	(1.030.917.533)	51.069.600	4.946.420.888	93.543.407.339	976.302.717	89.282.839.805
Doanh thu tài chính	3.035.443.096	10.797.700	-	24.567.149	8.848.940.265	13.270	11.919.761.480
Chi phí tài chính	(22.390.409.804)	(863.398.767)	-	(4.456.634.194)	(34.482.570.431)	(187.934.566)	(62.380.947.762)
Lợi nhuận tài chính	(19.354.966.708)	(852.601.067)	-	(4.432.067.045)	(25.633.630.166)	(187.921.296)	(50.461.186.282)
Thu nhập khác	1.270.914.435	-	-	1.991.513.954	1.087.082.975	-	4.349.511.364
Chi phí khác	(1.476.512.443)	-	-	(1.358.565.231)	(498.026.100)	-	(3.333.103.774)
Lợi nhuận khác	(205.598.008)	-	-	632.948.723	589.056.875	-	1.016.407.590

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Lĩnh vực	Sản xuất, thương mại	Thi công	Bất động sản	DV Taxi	Chế biến thủy sản	Khác	Cộng
Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.764.007.922)	(1.883.518.600)	51.069.600	1.147.302.566	68.498.834.048	788.381.421	39.838.061.113
Chi phí thuế TNDN	(258.722.334)	-	(4.769.187)	(341.692.980)	-	(136.839.208)	(742.023.709)
Lợi nhuận sau thuế	(29.022.730.256)	(1.883.518.600)	46.300.413	805.609.586	68.498.834.048	651.542.213	39.096.037.404
Lợi ích cổ đông thiểu số	(145.729.858)	-	-	-	-	27.445.036	(118.284.822)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(28.877.000.398)	(1.883.518.600)	46.300.413	805.609.586	68.498.834.048	624.097.177	39.214.322.226

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu Ông Phạm Phúc Toại	11.985.700.000	-
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại	(630.290.863)	(5.470.359.000)
Phải trả Công ty Thanh Thy	(22.247.443.935)	(24.557.443.935)

▪ Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	1.985.044.376	1.901.099.014

▪ Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	759.108.290	405.519.354

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Do Chính Phủ quy định không được phép hoạt động khai thác cát nên Công ty TNHH MTV Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long dự định sẽ được giải thể.

Ngoài ra, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 07 năm 2011.

Long An, ngày 31 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI